

Số: /BC-STC

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Trên cơ sở báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các doanh nghiệp có vốn nhà nước, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh một số nội dung như sau:

I. Đánh giá hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Trong năm 2022, UBND tỉnh không thành lập mới doanh nghiệp nhà nước, không đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp và bổ sung vốn góp vào các công ty cổ phần. Đồng thời, trong năm 2022 UBND tỉnh không cấp vốn bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước đang hoạt động, các doanh nghiệp thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ hằng năm., trong đó có Quỹ đầu tư phát triển theo quy định.

II. Đối với hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Số lượng doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh

Đến thời điểm 31/12/2022 có 12 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh quản lý, bao gồm (i) 04 Công ty TNHH

MTV: Cà phê Ca cao tháng 10; Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana; Xổ số kiến thiết Đắk Lắk; Quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk và (ii) 08 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Lắk; Krông Bông; Ea Kar; Ea Wy; Chư Phá; Ma Đ'rák; Thuận Mần; Buôn Wing.

2. Các nội dung đánh giá

a) Hiệu quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng doanh thu của các doanh nghiệp năm 2022 đạt 607.692 triệu đồng, tăng 117.968 triệu đồng so với năm 2021. Các công ty lâm nghiệp chủ yếu làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng nên doanh thu thấp, chỉ có Công ty Lâm nghiệp Krông Bông; Ma Đ'rák có doanh thu bán gỗ rừng trồng; ngoài ra, một số công ty lâm nghiệp có diện tích rừng được giao quản lý thuộc lưu vực được hưởng dịch vụ môi trường rừng có nguồn thu theo diện tích và đơn giá cung ứng dịch vụ môi trường rừng; có 02 công ty lâm nghiệp có doanh thu rất thấp trong năm 2022 từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là: Thuận Mần 25 triệu đồng; Chư Phá 28 triệu đồng, các doanh nghiệp chỉ hoạt động cầm chừng và chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho công tác quản lý bảo vệ rừng.

- Tổng lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp năm 2022 đạt 23.431 triệu đồng, giảm so với năm 2021 là 9.484 triệu đồng; lợi nhuận chủ yếu phát sinh tại Công ty Xổ số kiến thiết (14.089 triệu đồng). Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty lâm nghiệp tiếp tục khó khăn, không có cải thiện so với năm trước, các doanh nghiệp chủ yếu hoạt động cầm chừng, làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ diện tích rừng được nhà nước giao. Hoạt động của doanh nghiệp nhiều năm qua ít có sự đổi mới, do chủ trương đóng cửa rừng và không khai thác nên doanh nghiệp không có nguồn thu kinh doanh, việc trồng rừng sản xuất, bán cây giống, chăn nuôi gia súc... chỉ giúp doanh nghiệp trang trải một phần chi phí trả lương và các khoản đóng góp cho người lao động. Tổng số lỗ lũy kế của các doanh nghiệp năm 2022 là 32.749 triệu đồng, giảm 12.830 triệu đồng; có 7/12 doanh nghiệp kinh doanh có lỗ lũy kế, trong đó Công ty Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana có lỗ lũy kế cao nhất 10.685 triệu đồng, tiếp đến là Công ty Cà phê - Ca cao Tháng 10 là 9.283 triệu đồng, Công ty lâm nghiệp Chư Phá 5.788 triệu đồng và Công ty lâm nghiệp Thuận Mần là 4.202 triệu đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV)	Tổng doanh thu			Lợi nhuận trước thuế		
		Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	$3 = 2/1$	4	5	$6 = 5/4$
1	LN Krông Bông	20.427	35.695	174,7	208	211	101,5
2	Lâm nghiệp Lắk	7.405	8.411	113,6	65	79	122
3	Lâm nghiệp Ea Kar	9.125	6.236	68,3	14	31	219
4	Lâm nghiệp Chư Phá	502	28	5,3	(247)	(231)	(93,5)

5	Lâm nghiệp Ma Đ'rák	15.043	14.974	99,5	(3.681)	1.704	(46,29)
6	Lâm nghiệp Ea Wy	5.032	6.634	131,8	39	39	100
7	LN Thuần Mẫn	243	25	10,1	(373)	(448)	(119,9)
8	LN Buôn Wing	3.790	53	1,4	(260)	(1.171)	(450,4)
9	Cà phê ca cao tháng 10	17.964	21.118	117,6	2.679	6.776	252,9
10	Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana	3.127	1.340	42,8	13.078	(1.948)	(14,9)
11	Xổ số kiến thiết	324.308	430.015	132,6	16.369	14.089	86,1
12	Quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk	82.741	83.164	100,5	462	502	108,5
Tổng cộng		489.724	607.692		32.915	23.431	

b) Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

- Có 6/12 doanh nghiệp có tình hình tài chính tương đối ổn định do có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1 (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) gồm Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Lắk; Krông Bông; Ma Đ'rák; TNHH MTV Cà phê Ca cao tháng 10; Công ty Xổ số kiến thiết Đắk Lắk và Công ty Quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk.

- Có 6/12 doanh nghiệp có khả năng thanh toán của doanh nghiệp là không ổn định do có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn nhỏ hơn 1 (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) gồm Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Ea Kar; Chư Phá; Ea Wy; Thuần Mẫn; Buôn Wing và Công ty Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana. điều này phản ánh tình hình tài chính của các công ty không được tốt, tài sản ngắn hạn của công ty không đủ để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và các khoản nợ đến hạn trả.

c) Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Tổng tài sản năm 2022 của các doanh nghiệp là 2.702.997 triệu đồng, tăng 98 triệu đồng so với năm 2021. Công ty Quản lý công trình thủy lợi có tổng tài sản lớn nhất 2.215.804 triệu đồng, chiếm 81,9%. Các doanh nghiệp có tổng tài sản thấp là Công ty Lâm nghiệp Thuần Mẫn 5.887 triệu đồng, Công ty Lâm nghiệp Chư Phá 12.204 triệu đồng; Công ty lâm nghiệp Lắk 16.427 và Công ty sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana 16.955 triệu đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)
1	Tổng tài sản	2.702.899	2.702.997	100
2	Vốn chủ sở hữu (mã 410)	2.428.187	2.429.811	100
	<i>Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu (411)</i>	<i>2.337.192</i>	<i>2.344.568</i>	<i>100,3</i>

d) Tình hình công nợ:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)
1	Tổng số nợ phải thu	94.356	89.643	95
	- Phải thu ngắn hạn	91.402	88.046	
	- Phải thu dài hạn	2.955	1.598	
2	Tổng số nợ phải trả	256.480	244.282	95
	- Nợ ngắn hạn	188.875	197.838	
	- Nợ dài hạn	67.607	46.524	

- Do tình hình kinh doanh khó khăn, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp phải vay ngân hàng và chiếm dụng vốn nên công nợ phải thu, nợ phải trả lớn. Tổng nợ phải trả năm 2022 là 244.282 triệu đồng; nợ phải thu 89.643 triệu đồng; các công ty lâm nghiệp do không có tài sản đảm bảo, việc tiếp cận nguồn vốn vay để hoạt động rất khó khăn.

d) Tình hình nộp ngân sách:

- Các doanh nghiệp chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế với ngân sách nhà nước. Tổng số thuế các doanh nghiệp đã nộp trong năm 2022 là 131.527 triệu đồng, đạt 88,5% tổng số thuế phải nộp năm 2022. Công ty Xô số kiến thiết là đơn vị có số thuế phát sinh lớn nhất với 126.833 triệu đồng, chiếm 96,4% tổng số thuế phải nộp toàn doanh nghiệp. Các công ty lâm nghiệp hoạt động sản xuất nhỏ lẻ nên số thuế phát sinh phải nộp rất thấp, tổng số thuế đã nộp trong năm là 1.154 triệu đồng. Số thuế còn nợ ngân sách là 53.596 triệu đồng, Công ty có số thuế chưa nộp lớn là Công ty Xô số kiến thiết với số tiền 30.476 triệu đồng, tuy nhiên số nợ ngân sách trên đã được nộp vào đầu năm 2023.

- Tổng số lao động làm việc tại 12 doanh nghiệp đến cuối năm 2022 là 878 người, thu nhập bình quân người lao động 8 triệu đồng/người/tháng.

- Các công ty lâm nghiệp được giao nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng với diện tích lớn, số lao động quản lý 281 người, thu nhập bình quân không thay đổi nhiều so với năm trước, bình quân đạt 6,9 triệu đồng/người/tháng. Mức thu nhập này không đảm bảo đời sống cho người lao động tại các công ty lâm nghiệp yên tâm thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng do công việc hết sức nguy hiểm, phức tạp, trang thiết bị phục vụ công tác lại thiếu thốn, nhiều công ty lâm nghiệp vẫn nợ lương, nợ bảo hiểm của người lao động.

- Công ty Xô số kiến thiết và Công ty Quản lý công trình thủy lợi có tình hình sản xuất, kinh doanh ổn định nên thu nhập của người lao động được đảm bảo; 02 công ty có 572 lao động, với thu nhập bình quân 14,5 triệu đồng/người/tháng; thu nhập bình quân cao nhất là Công ty Xô số kiến thiết 20 triệu đồng/người/tháng.

e) Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty Quản lý công trình thủy lợi thực hiện quản lý việc tưới tiêu trên địa bàn tỉnh năm 2022, Công ty chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao về diện tích tưới (77.834,03 ha/77.828,76 ha, đạt 99,9% so với kế hoạch giao).

(Chi tiết Phụ lục số 01 đính kèm).

III. Đối với doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước (viết tắt DNCVNN)

1. Số lượng DNCVNN

Đến thời điểm 31/12/2022, trên địa bàn tỉnh có 12 DNCVNN, trong đó:

a) 02 Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk và Công ty TNHH HTV Cà phê Cư Pul.

b) 10 Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: gồm (i) 05 Công ty cổ phần: Cà phê Ea Pók, Cà phê Phước An, Cà phê Thắng Lợi, Cấp nước Đắk Lắk, Đô thị và Môi trường; (ii) 05 Công ty TNHH HTV gồm: Lâm nghiệp Phước An; Lâm nghiệp Ea H'leo; Lâm nghiệp Buôn Ja Wâm; Chế biến thực phẩm và Lâm nghiệp Đắk Lắk; Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk.

2. Các nội dung đánh giá

a) Việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- Tổng tài sản của các DNCVNN đến 31/12/2022 là 4.845.719 triệu đồng, giảm 641.761 triệu đồng so năm 2021; tổng vốn điều lệ đăng ký 2.853.874 triệu đồng, trong đó tổng vốn nhà nước nắm giữ 1.899.459 triệu đồng, tổng vốn chủ sở hữu 2.733.617 triệu đồng.

- Hiệu quả sử dụng vốn: Lợi nhuận thực hiện sau thuế của các DNCVNN là 88.621,3 triệu đồng, trong đó tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp (ROE) 3,2%; tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) 1,82%.

- Trong năm 2022, các DNCVNN sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng các doanh nghiệp vẫn bảo toàn được vốn góp của nhà nước, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)
1	Tổng tài sản	5.487.480	4.845.719	88,3
2	Vốn điều lệ	2.848.687	2.853.874	100,2
	Trong đó: Vốn Nhà nước nắm giữ	1.899.459	1.899.459	100
3	Vốn chủ sở hữu	2.852.921	2.733.617	96
4	Lợi nhuận sau thuế	132.233	88.621,3	42,5
5	Hiệu quả sử dụng vốn			
	- Tỷ suất LN trước thuế/vốn CSH (ROE)	4,64%	3,2%	
	- Tsuất LN trước thuế /tổng tài sản (ROA)	2,41%	1,82%	

b) Hiệu quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng doanh thu của các DNCVNN năm 2022 đạt 2.179.224 triệu đồng, giảm 86.930 triệu đồng so với năm 2021; trong đó Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk có doanh thu hoạt động cao nhất với 1.245.193 triệu đồng, chiếm 57,2% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh toàn ngành. Các công ty TNHH HTV có doanh thu thấp, Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa Đắk Lắk không có doanh thu trong năm.

- Tổng lợi nhuận trước thuế của các DNCVNN năm 2022 đạt 132.233 triệu đồng, tăng 118.471 triệu đồng so với năm 2021. Trong năm chỉ có 4/12 công ty có lợi nhuận, 01/12 công ty không có lợi nhuận và 7/12 công ty có lợi nhuận âm, chi tiết từng doanh nghiệp cụ thể như sau:

TT	Doanh nghiệp	Doanh thu		Lợi nhuận	
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
A	B	1	2	4	5
1	Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk	1.455.065	1.245.193	171.428	101.512
2	Công ty Cổ phần Cà phê Phước An	59.318	64.289	(15.959)	(16.406)
3	Công ty Cổ phần Cà phê Thắng Lợi	359.498	462.204	7.601	1.891
4	Công ty Cổ phần Cà phê Ea Pôk	23.914	24.476	(19.237)	(11.551)
5	Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk	182.923	191.534	677	(15.376)
6	Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường	143.584	169.204	10.364	14.192
7	Công ty TNHH chế biến thực phẩm và LN Đắk Lắk	770	36	(6.109)	(6.026)
8	Công ty TNHH Cao su và LN Phước Hòa Đắk Lắk	-	-	-	-
9	Công ty TNHH 2 TV LN Phước An	36.429	16.099	257	257
10	Công ty TNHH MTV LN Buôn Ja Wằm	1.609	916	(6.895)	(6.534)
11	Công ty TNHH MTV LN Ea H'leo	1.253	1.672	(3.102)	(4.422)
12	Công ty TNHH 2TV Cư Pul	1.792	3.600	(7.599)	(1.340)
Tổng cộng		2.266.154	2.179.224	132.233	56.196

c) Tình hình tuân thủ các chế độ kế toán của các doanh nghiệp: Theo báo cáo của Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, trong năm 2022 chưa có dấu hiệu bất thường trong hoạt động kinh doanh của các công ty mà nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách, thực hiện chế độ lao động, tiền lương: Năm 2022 các doanh nghiệp cơ bản hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, các chế độ, quyền lợi của người lao động; thực hiện đúng theo Luật Lao động, không xảy ra khiếu kiện của người lao động về các chế độ tiền lương.

(Chi tiết Phụ lục số 02 đính kèm).

IV. Nhận xét và đánh giá chung

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chưa có sự thay đổi so với năm trước, có thể rút ra một số ưu, nhược điểm sau:

1. Ưu điểm

Các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn đã góp phần đáng kể trong việc phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh, giải quyết việc làm cho người lao động. Các doanh nghiệp nông nghiệp đã chú trọng công tác tuyển dụng đối với người lao động là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, góp phần ổn định đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Khó khăn và tồn tại

- Các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc diện duy trì, củng cố và giữ nguyên 100% vốn điều lệ, có xuất phát điểm là tình hình tài chính khó khăn, vốn ít, khó vay được vốn từ các ngân hàng thương mại. Các công ty nông nghiệp phần lớn diện tích cà phê được trồng từ những năm 1990 nay đã già cỗi, cho năng suất thấp, nhiều doanh nghiệp phải thực hiện tái canh vườn cây, đưa vào những giống cây trồng mới năng suất cao, đảm bảo phát triển bền vững cây cà phê; mặt khác, thời gian tái canh cây cà phê thường kéo dài, chi phí cao nhưng doanh nghiệp vẫn phải thực hiện nộp tiền thuê đất đối với diện tích cà phê đang tái canh không tạo ra sản phẩm.

- Giá cả các mặt hàng nông sản như: cà phê, cao su không ổn định, có thời điểm giá bán xuống thấp hơn giá thành sản xuất, trong khi đó giá cả các mặt hàng vật tư như phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu tăng cao. Các doanh nghiệp nông nghiệp vẫn khó khăn về vốn để tổ chức mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc tái đầu tư.

- Các Công ty lâm nghiệp không có chỉ tiêu khai thác gỗ, chủ yếu hoạt động từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm 300.000 đồng/ha/năm theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, chưa đảm bảo cho các công ty thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao. Diện tích rừng lớn nhưng lực lượng quản lý bảo vệ rừng ít, trang thiết bị phục vụ công tác thiếu thốn, đời sống của người lao

động chưa được đảm bảo trong khi điều kiện làm việc hết sức khó khăn, nguy hiểm. Các công ty thiếu vốn, không có tài sản đảm bảo để huy động vốn vay trồng rừng sản xuất nhằm tạo thêm nguồn thu. Hiện nay các Công ty lâm nghiệp chủ yếu làm nhiệm vụ công ích quản lý bảo vệ rừng được nhà nước giao, không có hoạt động sản xuất kinh doanh trên diện tích rừng được giao (ngoài một số công ty có hoạt động trồng rừng sản xuất). Đời sống người lao động trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng chưa được đảm bảo, tình trạng nợ lương và các khoản trích theo lương, nợ tiền thuê đất, nợ vay khác chưa có hướng giải quyết. Hoạt động của các Công ty hai thành viên vẫn chưa thực sự đổi mới, không triển khai được kế hoạch sản xuất kinh doanh do chưa được chuyển đổi mục đích đất lâm nghiệp sang cây trồng cây khác có hiệu quả kinh tế.

V. Một số kiến nghị đối với Chính phủ

1. Đối với các doanh nghiệp nhà nước

- Ban hành các chính sách hỗ trợ đối với lực lượng trực tiếp làm công tác quản lý, bảo vệ rừng để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ công ích là quản lý, bảo vệ diện tích rừng được nhà nước giao.

- Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho tỉnh: (i) kinh phí hỗ trợ giải quyết các tồn tại về tài chính đối với các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện giải thể nhưng mất khả năng thanh toán; (ii) tăng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác khoán quản lý, bảo vệ rừng.

2. Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước

Đề nghị Chính phủ có cơ chế đối với việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sau chuyển đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho người lao động và góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

VI. Công khai thông tin tài chính doanh nghiệp

Đề nghị UBND tỉnh giao Cổng thông tin điện tử tỉnh thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính đối với phụ lục số 06B và 06C đính kèm.

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/cáo);
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, TCDN (Thm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Danh Thắng

